

Số: **248/2018/QĐST/HNGĐ**

M, ngày 02 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 291/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/9/2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1974.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn D, xã T, huyện M, Thành phố H.

- Bị đơn: Anh Lê Xuân D, sinh năm 1969.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn D, xã T, huyện M, Thành phố H

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án ;

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 28 ngày 29/4/1995, tại UBND xã T, huyện M, tỉnh V(nay là thành phố H).

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25/10/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Mỹ H và anh Lê Xuân D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** anh chị có 03 con chung là Lê Thị Hà T, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1995; Lê Thị Phương T, sinh ngày 17 tháng 9 năm 1999 và Lê Thị Phương T, sinh 28 tháng 4 năm 2006.

Giao cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Thị Phương T cho đến khi cháu T thành niên, đủ 18 tuổi.

Đối với cháu Lê Thị Hà T và Lê Thị Phương T đã thành niên nên không đặt ra vấn đề cần giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị H đối với anh D cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; công nợ:** Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị H tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016696 ngày 20/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Hoàn trả lại chị H số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND M.
- Chi cục THADS M
- CQ đã thực hiện việc ĐKKH
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ; VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim T